

## VỀ QUYẾT ĐỊNH CỦA NGUYỄN TRÃI TRONG QUAN HỆ VỚI THIÊN PHẬT GIÁO

TRẦN NGUYÊN VIỆT(\*)

*Bài viết đưa ra những luận giải để làm sáng tỏ quyết định của Nguyễn Trãi trong quan hệ với Thiên Phật giáo, cụ thể là việc ông chuyển hướng đi theo Thiên Phật giáo. Nguyễn Trãi đã tìm đến các giá trị của Phật giáo, như chân lý giải thoát, chân như, Phật tính... Theo tác giả, mặc dù chưa một ngày xuất gia, song dự định "sẽ theo Thiên" của Nguyễn Trãi, ở mức độ nhất định, phản ánh tâm thế chung của những nhà Nho trong bước quá độ từ "hành" đến "tàng" và điều đáng tiếc là, vụ án Lê Chi Viên đã không để ông có cơ hội thực hiện dự định của mình.*

"Lão khứ cuồng ngôn hựu quái ngã;

Lâm kỳ ngã diệc thượng thừa thiên"(1)

(Già rồi hay nói cuồng, đừng lạ ta;

Từ biệt nhau rồi thì ta cũng sẽ tu đạo  
thiên thượng thừa).

Hai câu thơ trên là lời của một người già lắm cảm, hay là lời của một chí sĩ, một vị khai quốc công thần trước sự lựa chọn con đường, phong cách sống "hậu thanh vân"? Điều gì khiến Nguyễn Trãi đưa ra quyết định trái ngược với chủ trương độc tôn Nho giáo của triều đình Lê Sơ?

Trước hết, điều làm chúng ta ngạc nhiên là, một vĩ nhân như Nguyễn Trãi, 20 tuổi đã đỗ Tiến sĩ (1400), từng nếm mật nằm gai trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, trở thành bậc khai quốc công thần, lại đưa ra quyết định theo Thiên Phật giáo. Song, dù điều đó có xảy ra, bất luận trong hoàn cảnh nào, cả khi làm quan cũng như khi làm một cư sĩ ở Côn Sơn, ông luôn nghĩ đến dân, đến nước. Ông từng nói với Lê Thái Tôn rằng, "Dám mong Bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân,

khiến cho trong thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu"(2). Cho đến tận cuối đời, khi vụ án oan nghiệt Lê Chi Viên làm tan nát cuộc đời và gia tộc của ông, Nguyễn Trãi vẫn đảm đương những trọng trách lớn của triều đình. Điều đó cho thấy, ông không hề "lắm cảm" mà "nói cuồng" như lời câu thơ trên. Cũng không nghi ngờ gì, Nguyễn Trãi vốn xuất thân từ gia đình có truyền thống Nho học, bản thân ông cũng tự nhận mình là nhà Nho, suốt đời đội mũ Nho gia. Chính vì vậy, xuất hay xử theo tinh thần Nho giáo bao giờ nhà Nho cũng lấy tấm gương "hành - tàng" của Khổng Tử để ứng phó với đời khi cần. Chúng ta cũng đã biết phương châm đó của Khổng Tử qua câu nói với học trò yêu quý của mình là Nhan Uyên: "Dùng tới thì ra

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ triết học, Trưởng phòng Triết học Việt Nam, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Nguyễn Trãi. *Toàn tập*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 353-354.

(2) Nguyễn Trãi. *Toàn tập*. Sđd., tr.19.

hành chính, bỏ thì lui về ẩn dật, có lẽ chỉ có ta với người là được như vậy chăng?" (*Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dĩ nhĩ hữu thị phù?* - *Luận ngữ*, Thuật nhi, 10). Ngạn ngữ có câu: "Trẻ xông pha, già mẩu mực". Những năm tháng xông pha, không chỉ bằng sức lực vượt hàng trăm cây số để đến với nghĩa quân Lam Sơn nơi rừng thiêng nước độc, Nguyễn Trãi còn mang cả khối óc bác học, từng viết *Bình Ngô sách* hiến kế cho Lê Lợi cũng như chấp bút cho vua những bức thư đấu tranh ngoại giao với giặc, những chỉ dụ của vua mà về sau, được người đời tập hợp thành *Quân trung từ mệnh tập*.

Tuy nhiên, khi đất nước được hòa bình, thì danh của một bậc khai quốc công thần như Nguyễn Trãi lại tỏ ra bất cập trước xu thế xã hội mà ở đó, nổi lên là thói tranh công kèn cựa lẫn nhau vì lợi ích cá nhân của không ít nhân vật trong bộ máy quan liêu của triều đình. Bọn quan lại ghen ghét đã tìm cách loại trừ ông, dùng mưu ma chước quỷ để hãm hại ông. Chính vì vậy, "sự mẩu mực" của Nguyễn Trãi có thể xem như một kho kinh nghiệm quý báu trong sự nghiệp kinh bang tế thế của ông, và nhiều nhà Nho có hoàn cảnh như ông cũng buộc phải chuyển hướng theo sự "biến đổi các giá trị" để tiếp tục tồn tại. Tuy nhiên, dù trong hoàn cảnh nào đi nữa, khí phách "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" mà Mạnh Tử từng phát biểu luôn là tâm thế sống của họ. Trong bối cảnh phũ phàng của cuộc đời, từ một bậc khai quốc công thần, Nguyễn Trãi lại bị chính bậc quân vương mà ông cùng chia sẻ trước đây - vua Lê Thái Tổ, do

liên đới tới chỗ họ hàng với Trần Nguyên Hãn, đã tỏ ra không tin dùng nữa, buộc ông phải tìm cho mình hướng đi của một nhà Nho "xả chi tắc tàng", đó là theo đạo Thiên. Chọn theo "Thượng thừa thiên", có lẽ, là phương án vừa có lợi cho bản thân được sống một cuộc sống tĩnh tâm, vừa biết đâu, nếu đắc đạo, trở thành Bồ Tát sẽ cứu được bao con người đang phải chịu những nỗi đau ám ảnh và truyền kiếp nơi trần gian. Nếu đúng như vậy thì một lần nữa, chúng ta có thể khẳng định rằng, sự lựa chọn của ông chính là sự lựa chọn của một bậc túc Nho "ưu thời miễn thế", biết mình già, bất lực trên "con đường thanh vân", nhưng vẫn "hậu lạc tiên ưu" với nước, với dân. Như vậy, sự chấp nhận, dù là chủ ý hay ngẫu nhiên vô tư, nếu biết chuyển hướng tùy theo "sự biến đổi các giá trị cuộc sống", Nguyễn Trãi vẫn còn cơ hội để lo cho dân, cho nước.

Vậy, việc chọn con đường Thượng thừa thiên của Nguyễn Trãi đã là tối ưu chưa? Hay đằng sau tuyên bố đó, ông muốn tìm sự bù đắp cho những thiếu hụt trong quan niệm nhân sinh của nhà Nho, đặc biệt là nhà Nho "bước ngại chen" ở chốn quan trường?

Ở đây, chúng ta thấy trong tâm trạng của Nguyễn Trãi xuất hiện một vấn đề nan giải, có thể nói là mâu thuẫn giữa ân nghĩa "quân thân" cần phải trả mà không biết bao giờ mới trả hết với việc lánh đời, lánh thế sự để lui về với cuộc sống của một cư sĩ, quên hết mọi công danh để đến với tinh thần từ bi hỷ xả của nhà Phật. Theo chúng tôi, sự lựa chọn đó không phải là tối ưu và dễ dàng chút nào, bởi ông là một nhà Nho, nắm vững đạo thánh hiền nhưng chưa hẳn

đã thông hiểu giáo lý Phật giáo, một học thuyết triết học tôn giáo có tính hệ thống khá hoàn chỉnh và thâm viễn. Mặt khác, sự lựa chọn đó lại đi ngược với chủ trương của triều đình về độc tôn Nho, bằng nhiều biện pháp khác nhau mà loại trừ các học thuyết ngoài Nho giáo ra khỏi lĩnh vực chính trường. Chỉ sau một năm thiết lập thể chế của triều đại Lê Sơ, "năm 1429, mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, chỉ huy cho các tăng đạo người nào thông kinh điển, giữ tiết hạnh cẩn thận, hạn đến ngày 20 tháng này đến sảnh đường trình diện, kiểm xét khảo thí, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục"(3). Đó là biện pháp đầu tiên mang tính hành chính của triều đình Lê Sơ trong quan hệ với Phật giáo.

Là nhà Nho, lại ở trong điều kiện được thời đặc thế cho Nho học phát triển, lẽ ra Nguyễn Trãi không dừng lại ở việc dùng những lý luận của Nho gia để đánh giặc, để khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến của quân dân ta vì sự tồn vong của mình, mà phải tiếp tục suy ngẫm, tái cấu trúc lại những nội dung tư tưởng của học thuyết này trên một trình độ mới cao hơn, sâu sắc hơn về phản tư triết học trước tồn tại xã hội, ít ra cũng góp phần làm cho xã hội ổn định và phát triển lâu dài. Vậy mà giờ đây, ông phải thốt lên rằng, "cái mũ nhà Nho đánh lừa ông từ lâu". Sau hơn ba mươi năm, Nguyễn Trãi mới thấy sự đời lại diễn biến theo những hướng khác với hoài bão về một xã hội lý tưởng từng được đề cập tới trong các sách thánh hiền mà xã hội lý tưởng đó thôi thúc các tướng sĩ không quản hy sinh gian khổ, quyết tâm giải phóng đất nước là điều kiện

tiên quyết để thực hiện ước mơ đó. Chỉ đến lúc nghe tiếng chim đỗ quyên, một loài chim theo quan niệm của người xưa thường báo trước một điều gì đó có thể là thịnh hoặc suy cho con người, thì Nguyễn Trãi mới nhận ra mọi công danh mà nhà Nho phấn đấu chỉ là hão huyền: "Cuộc đời một giấc mộng kê thôi / Tỉnh lại muôn vàn thấy hão rồi"(4); hoặc: "Ba mươi năm lẻ trong trần mộng / Và tiếng chim kêu tỉnh lại thôi"(5). Tỉnh rồi phải có những quyết định dứt khoát cho bước đi tiếp theo của cuộc đời, vì vậy ông tự nhủ mình hãy lui để thủ phận, để tìm phương pháp tu thân theo cách riêng của mình mà ở đây, theo chúng tôi, là theo Phật giáo, có thể là Đạo giáo, song chắc chắn không phải là con đường "tu, tề, trị, bình" của Nho gia: "Chín xá lui mà thủ phận / Lại tu thân khác, mặc thi thư"(6). Lập thân, theo Nguyễn Trãi, trước hết phải chú ý tới việc hành thiện, bởi vì "họa phúc gây mầm không một chốc", mà cả một quá trình lâu dài, thậm chí con người phải tích đức từ nhiều kiếp trước. Sửa mình làm thiện, dù chỉ là thiện nhỏ, cũng có thể xem như việc mở đường làm điều thiện lớn lao hơn, song quan điểm của Nguyễn Trãi cho rằng, "lập thân chưa hẳn cần đọc nhiều sách"(7). Điều này ít nhiều làm chúng ta liên tưởng đến chủ trương đi đến giác ngộ của Thiên Nam Tông do Lục tổ Huệ Năng chủ xướng. Đó là chủ trương không dùng giáo lý, ngôn ngữ, mà chỉ dùng

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư*, 2 tập, t.2. Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 96.

(4) Nguyễn Trãi. *Toàn tập*, Sđd., tr. 3329.

(5) Nguyễn Trãi. *Sđd.*, tr. 331.

(6) Nguyễn Trãi. *Sđd.*, tr. 407.

(7) Nguyễn Trãi. *Sđd.*, tr. 306.

phương pháp "tâm truyền" để thấy tính thành Phật. Bằng cách đó, Thiền Nam Tông chủ trương đi đến giác ngộ một cách nhanh nhất, còn gọi là "đốn ngộ".

Rời bỏ chốn quan trường, Nguyễn Trãi như thấy mình nhẹ thân, bởi ông không còn phải chịu lụy cái danh "hảo huyền". Tinh thần tự do tự tại đã khiến ông hứng thú hơn với cuộc sống đạm bạc, với mái lều tranh nơi rừng núi Côn Sơn: "Thân đà hết lụy thân nên nhẹ / Bụt ấy là lòng bụt há cầu"(8). Nghĩa là, ngoài việc rũ bỏ được sự lệ thuộc bề ngoài, từng làm cho người ta mê lầm, con người còn phải nhận thức cho được "Phật tức tâm, tâm tức Phật". Quan niệm của Thiền Tông về sự đồng nhất giữa tâm và Phật, có thể nói, là một trong những cơ sở để lý giải tính đồng nguyên giữa Nho giáo và Phật giáo, bởi vì Nho giáo cũng yêu cầu lấy sự thành tâm, thành ý để làm chỗ dựa cho mọi hành động của con người.

Sự lựa chọn con đường đến với Phật giáo đã được quyết định, song trên thực tế, Nguyễn Trãi chưa một ngày xuất gia. Chình vì vậy mà ông tự nhắc nhở bản thân rằng, "Được chỗ yên phận thì cứ tùy phận / Chưa xuất gia thì hãy ở nhà"(9). Câu thơ này dường như thông báo cho chúng ta biết tâm nguyện của Nguyễn Trãi về một thời điểm mà khi cảm thấy thích hợp, ông sẽ xuất gia trở thành nhà tu hành. Dù biết sự lựa chọn này là trái với chủ trương của triều đình, Nguyễn Trãi vẫn không giấu lòng mình, bởi ông nhận thấy "Rừng thiên ất thấy nên đâm ám/ Đường thế [sự] nào nơi chẳng thấp cao" (chữ trong móc do chúng tôi thêm cho rõ ý - T.N.V.)(10). Chưa xuất gia không đồng nhất với "không

xuất gia". Ở đây, mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực trong tâm thế của Nguyễn Trãi được bộc lộ khá rõ nét.

Đúng vậy, con đường thế sự quả là khó khăn và gập ghềnh, nếu không cẩn trọng sẽ dễ dàng vấp ngã. Và, dù có thận trọng thế nào đi nữa, sự hiểm độc của lòng người sẽ gây ra hậu quả khôn lường cho những con người trung thực, một lòng vì nước, vì dân, trung thành với vua - điều đó không phải là hy hữu trong lịch sử. Xa rời con đường công danh, Nguyễn Trãi tìm đến các giá trị của Phật giáo, đó là chân lý giải thoát, là chân như, Phật tính. Theo tiếng Phạn, "Bụt" (Budha) có nghĩa là giác ngộ, là trạng thái tinh thần mà nhà tu hành đạt được bằng sự tu tâm cá nhân (Tiểu Thừa), và có sự kết hợp với trợ giúp của các thế lực Bồ Tát (Đại Thừa). "Bụt là lòng", cũng là "tâm", khái niệm này đã được các nhà Phật học Việt Nam thời Trần khẳng định. "Phật tính" hay "chân như" mà nhà tu hành muốn đạt được thì trước hết, phải làm cho tâm mình tĩnh tại, không bị vọng tâm, tránh được vọng niệm.

Con đường nhận thức mà Phật giáo nêu lên có lúc được diễn tả rất gần gũi với cuộc sống đời thường của con người. Đó là khi con người tĩnh tâm, quan sát ánh trăng soi xuống mặt nước trong đêm lúc đêm thu tĩnh lặng, và thông qua trực giác đặc biệt, con người có thể nhận thức được "chân như", "Phật tính". Nguyễn Trãi không đồng nhất cái tâm tĩnh mịch của con người với ánh trăng soi mặt nước trong đêm thanh

(8) Nguyễn Trãi. *Sđđ.*, tr. 405.

(9) Nguyễn Trãi. *Sđđ.*, tr. 353.

(10) Nguyễn Trãi. *Sđđ.*, tr. 411.

vắng, mà cả ba đối tượng "mặt nước đầm - trắng - tâm" quan hệ chặt chẽ với nhau: "Trì thanh đêm quuyền nguyệt vô tâm"(11). Hình ảnh đó thật gần gũi, nhưng cũng thật mỏng manh, dường như chỉ cần một làn gió nhẹ lay động mặt nước thì con người không thể nhận biết được "chân như", "Phật tính". Chính vì vậy, Nguyễn Trãi trân trọng giá trị tuyệt đối ấy, coi đó như cơ hội để con người làm chủ được tâm của mình, tức làm chủ được ý thức trước vạn pháp luôn trong trạng thái biến đổi không ngừng, làm cho thế giới trở nên ảo ảnh, chỉ có "chân như" hay "Phật tính" mới là đích thực, vĩnh hằng và chỉ những người có chí hướng tham thiền, trải nghiệm mới nhận biết được. Mặt khác, Thiền Tông lại đề cao vai trò của tâm khi đối cảnh. Nếu con người không "quảng cái tâm" của mình vào khách thể, thì khách thể cũng không thể có, nếu quan niệm là có cũng chỉ là sự mê lầm của chủ thể nhận thức mà thôi. Ông viết: "Trì tham nguyệt hiện chẳng buông cá / Rừng tiếc chim về ngại phát cây"(12). Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585) cũng từng viết: "Dục nhận nhất chân thiên định xứ / Hàn giang thu thủy nguyệt minh thì" (Muốn nhận biết được chân như do tiền định, hãy nhìn vào ánh trăng thu soi bóng xuống mặt sông Hàn)(13). Khái niệm "nhất chân" được Trạng Trình dùng để chỉ tính thuần nhất, chân thực đến mức lý tưởng mà nhà Phật gọi là "chân như".

Ở chỗ khác, Nguyễn Trãi cũng có quan điểm nhận thức chịu ảnh hưởng của Thiền Tông: "Nhất niệm tức lai thiên niệm tức" (Dứt được một niệm nghĩ thì nghìn niệm đều dứt)(14). Như vậy, theo ông, càng dứt

bỏ được nhiều niệm thì càng tiến gần đến vô niệm, nghĩa là dứt bỏ đồng thời vọng niệm để đi tới giác ngộ. Tuy nhiên, với nhà Nho như ông, hiểu Phật giáo để đi đến triết lý phổ quát cho nhân sinh chứ không phải đoạn tuyệt với trần thế để đến cõi Niết bàn. Cụ thể, đó là dứt bỏ những suy tư về danh lợi, về sự tranh giành "giữa gà và bọ" mà hại đến thân: "Kê trùng tự thử liễu tương tranh" (Gà bọ thôi tranh, kéo hại thân)(15). Giữ gìn tấm thân mà cha mẹ sinh dưỡng là nguyên tắc quan trọng đối với nhà Nho, song khác với những nhà Nho chính thống chỉ tuân thủ những nguyên tắc của Nho giáo, Nguyễn Trãi đề cập đến quan niệm, suy tư và đứng trên lập trường nhận thức luận của Phật giáo để khẳng định tính hiệu quả của "vô niệm".

Không dừng lại ở đó, khi đến thăm di tích nổi tiếng của Thiền phái Nam Tông là chùa Nam Hoa (tức chùa Bảo Lâm trước đây, nơi Huệ Năng - vị tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Quốc, từng tu hành), Nguyễn Trãi đã không hề giấu giếm sự thán phục của mình trước những gì mà truyền thuyết Phật giáo lưu lại. Chúng tôi xin dẫn toàn bộ bài thơ *Du Nam Hoa tự* để người đọc thấy rõ thái độ của Nguyễn Trãi đối với Phật giáo:

"Thần tích phi lai kỷ bách xuân;  
Bảo Lâm hương hỏa khế tiên nhân.  
Hàng long phục hổ cơ hà diệu;

(11) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 419.

(12) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 405.

(13) Dẫn theo: Đinh Gia Khánh (chủ biên). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1983, tr. 196.

(14) Nguyễn Trãi. *Toàn tập*. *Sdd.*, tr.306-307.

(15) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 306 -307.

Vô thụ phi đài ngữ nhược tân.

Điện trác khởi lâu tàng Phật bát;

Khám trung di tích thuế chân thân.

Môn tiến nhất phái Tào Khê thủy,

Tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần"

(Gậy thần bay đến đây đã cách mấy trăm xuân rồi;

Hương hỏa chùa Bảo Lâm giữ theo nhân duyên trước.

Hàng được rỗng, phục được cộp, sao phép mẫu  
nhiệm thế?

Không có cây, không phải đài, lời nói như mới luôn.

Bên điện dựng lấu để giấu cái bát của Phật;

Trong tháp còn để dấu lột xác cho chân thân.

Trước cửa một dòng Tào Khê chảy,

Rửa hết bụi bặm bao nhiêu kiếp của nhân  
gian)(16).

Trong bài thơ trên, không nghi ngờ gì nữa, Nguyễn Trãi đã thán phục sức mạnh siêu hình của giáo lý Thiên Phật giáo, rằng Bồ đề vốn không phải là cây thực, gương sáng cũng không có đài, muôn vật đều do trong lòng mà đến. Phương pháp tâm ấn, không dùng văn tự, ngôn ngữ là chủ trương của Thiên Nam Tông nhằm đi đến giác ngộ một cách nhanh nhất ("đốn ngộ"). Tuy nhiên, để đi đến "đốn ngộ", Nguyễn Trãi lại tỏ ra không tán thành phương pháp duy nhất là tâm truyền, mà phải kết hợp bố thí ("Của thết người là của còn")(17); thực hành ngũ giới để diệt trừ tham, sân, si ("Kim ngân ấy của người cùng muốn / Tửu sắc là nơi nghiệp há chừa")(18); ("Sắc là giặc, đam làm chi! / Thuở trọng còn phòng có thuở suy")(19); Giận làm chi tổn khí hòa / Nào từng có ích nhọc mình ta")(20).

Nghiên cứu tư tưởng Nguyễn Trãi trong văn cảnh mối quan hệ của ông đối với Phật

giáo, chúng tôi thấy hầu hết những tâm tư của ông được trình bày trong *Úc Trai thi tập* và *Quốc âm thi tập*. Phần lớn những bài trong đó được ông sáng tác khi ở ẩn tại Côn Sơn. Đó cũng là giai đoạn ông được tĩnh tâm nhất trong cuộc đời của mình để suy ngẫm về thế sự và thân phận. Khái niệm tĩnh tâm mà chúng tôi tạm dùng chỉ là tương đối, bởi trong hoàn cảnh nào, bản thân ông cũng luôn bị những mâu thuẫn giữa tình cảm và lý trí dần vật. Không được vua tin dùng, ông vẫn nhủ mình ơn chúa rất nhiều mà chưa báo đáp, lúc nào cũng lo "thuyền bị lật giữa triều đông". Song, nghĩ đến thế sự mà "con đường thanh vân" đan xen trong đó vốn đầy chông gai hiểm hóc, ông lại muốn đến với giáo lý Phật giáo, bởi ở đó cái ấm áp của "rừng thiên" đã làm vơi đi những hoài bão về xã hội lý tưởng không thành của một thời trai trẻ.

Như trên chúng tôi đã đề cập, Nguyễn Trãi chưa một lần xuất gia, song dự định "sẽ theo Thiên" của ông, ở mức độ nhất định, phản ánh tâm thế chung của những nhà Nho trong bước quá độ từ "hành" đến "tàng". Điều đáng tiếc là vụ án Lệ Chi Viên năm 1442 đã không để ông thực hiện dự định đó, làm cho giới nghiên cứu chúng ta phải dừng lại vì Nguyễn Trãi không có nhiều hơn nữa những phản tư triết học sâu sắc hơn khi tiếp cận với "rừng thiên". □

(16) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 387-388.

(17) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 446.

(18) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 456.

(19) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 459.

(20) Nguyễn Trãi. *Sdd.*, tr. 460.